TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày 30 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trường.

Ông Đặng Hải Quân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

Nông Văn H, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1963 tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông N (đã chết) và bà Trương A (đã chết); có vợ là Hoàng L và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2020 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Ngô H -Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị hại:*

1. BH1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. BH2, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. BH3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

4. BH4, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. BH5, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. NLQ1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1955. Vắng mặt.

2. NLC2, sinh năm 1978. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 11/10/2016, Nông Văn H được bầu làm Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 30/6/2018, Nông Văn H ký hợp đồng với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Ngân hàng chính sách) về việc ủy nhiệm thu lãi, thu tiền gửi tiết kiệm. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và hợp đồng ủy nhiệm trên, thì Nông Văn H có quyền thực hiện một số thủ tục để người dân vay vốn, chứng kiến việc giải ngân của ngân hàng, đôn đốc, kiểm tra việc sử dụng vốn của người vay, thu tiền lãi của người vay, tiền gửi tiết kiệm của hội viên, phối hợp giải quyết rủi ro, nợ quá hạn, sử dụng vốn sai mục đích. Về nghĩa vụ, Nông Văn H không được lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để chiếm dụng vốn, không được thu nợ gốc của người vay, khi đến hạn trả nợ gốc phải có trách nhiệm đôn đốc người vay trả nợ trực tiếp cho ngân hàng tại trụ sở hoặc điểm giao dịch.

Từ năm 2015, một số người dân trong thôn, sau khi được Ngân hàng chính sách giải ngân đã cho Nông Văn H vay lại, một số người dân tin tưởng Nông Văn H là Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn nên đã nộp tiền nợ gốc cho H để trả cho ngân hàng. Đối với số tiền vay lại của người dân, hằng tháng Nông Văn H tự trả lãi cho Ngân hàng chính sách, đối với số tiền người dân nộp trả nợ gốc, Nông Văn H mặc dù biết rõ không có thẩm quyền nhưng vẫn nhận. Nông

Văn H dùng toàn bộ số tiền vay lại, tiền người dân nộp gốc vào mục đích cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại và do bị nhiều người dân đòi tiền nên đến tháng 10/2018, H bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Nông Văn H đã chiếm đoạt tổng số tiền 145.000.000 đồng của các ông, bà sau: Ông BH1 25.000.000 đồng; bà BH2 20.000.000 đồng; bà BH3 10.000.000 đồng; bà BH4 50.000.000 đồng; ông BH5 40.000.000 đồng.

Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 02 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố bị cáo Nông Văn H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm c, d khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bài phát biểu của người bào chữa: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm c, d khoản 1, 2 Điều 175; điểm s (hai tình tiết: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét đến nhân thân tốt của bị cáo, bị cáo bị bệnh huyết áp cao, cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung gì thêm. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, gửi bài bào chữa cho Tòa án và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Nông Văn H là Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn L, xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 2015 đến 2018, Nông Văn H mượn tiền và nhận tiền để trả tiền gốc cho Ngân hàng chính sách của 05 người, gồm: Ông BH1, bà BH2, bà BH3, ông BH5, bà BH4, với tổng số tiền 145.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên Nông Văn H đã sử dụng hết dẫn đến không có khả năng trả lại và đến tháng 10/2018, Nông Văn H bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Do đó, hành vi của bị cáo Nông Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền một cách nhanh chóng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

[6] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, về nhân thân và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bản bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo là không đảm bảo giáo dục và phòng ngừa chung nên không được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, xét thấy bị cáo là người có tài sản nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bị hại, người có quyền lợi liên quan không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2, 5 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 291; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nông Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2020.

- Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nông Văn H phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Nông Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LạngSơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hải Đoàn